BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIN TUẦN

"Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp"

(ngày lấy mẫu 3-4/12/2021)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 29/11 đến ngày 5/12/2021

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí giám sát	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí giám sát
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cổ Đam	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định.
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.
12	Đập An Bài (sông Châu	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.

TT	Tên vị trí giám sát	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí giám sát
	Giang)		
13	TB triệu Xá (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.
14	Đập La Chợ	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đập Biên Hòa	Kênh Biên Hòa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước kênh T6 trước khi đổ vào sông Tiên Hương

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2021

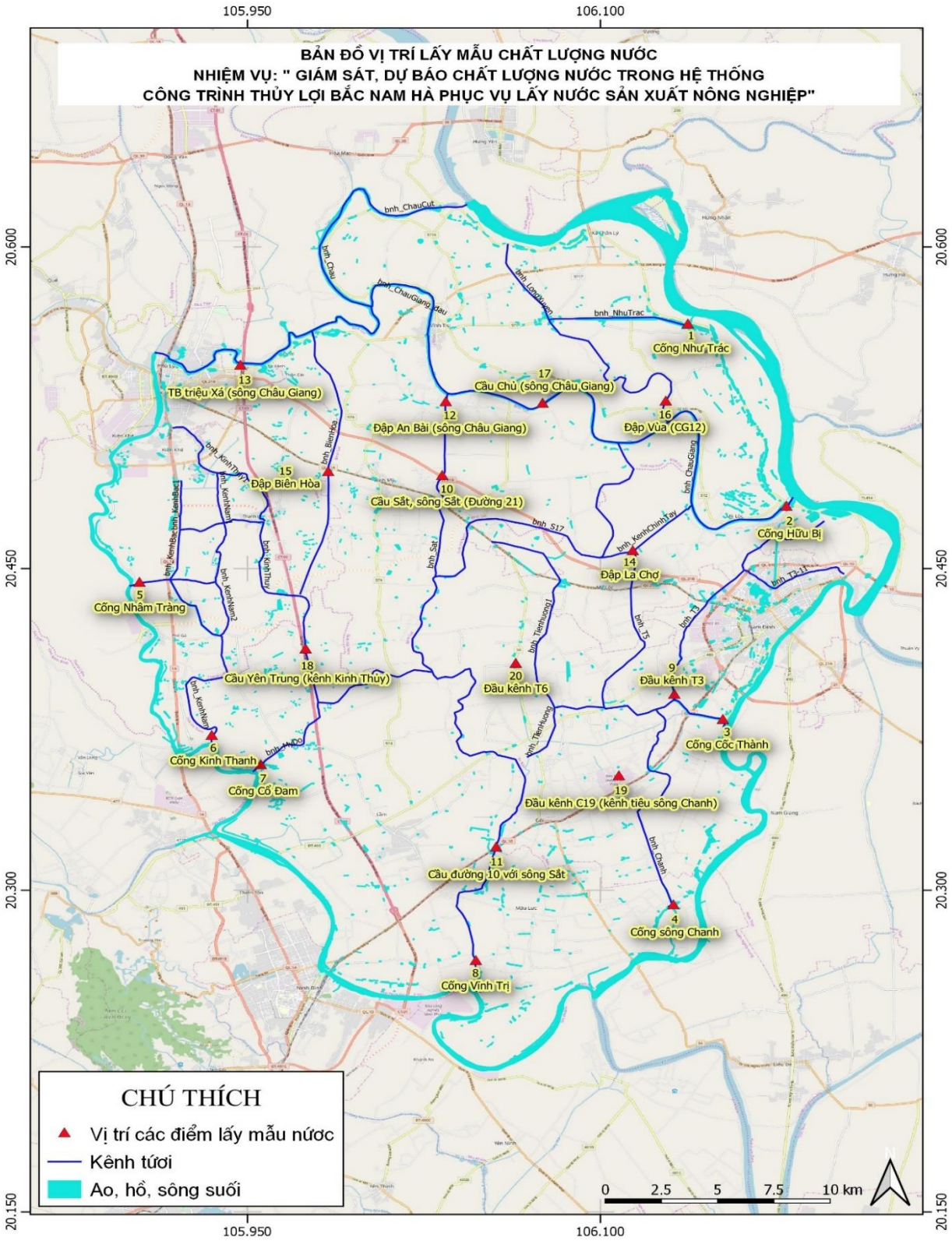

2. Thông tin lúc giám sát

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin hiện trường.

3. Kết quả đo đạc

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin đo đạc.

4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin đo đạc.

II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 29/11/2021 đến ngày 05/12/2021

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo tuần tới vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ các trạm có mưa đến mưa rất to lượng mưa dao động từ 29-393mm.

Lượng mưa TB hiện tại tại Phủ Lý có xu thế tăng so với TBNN cùng thời kỳ, tại Nam Định có xu thế tăng.

Bảng 23: LƯỢNG MƯA TẠI MỘT SỐ TRẠM TRONG VÙNG

TT	Trạm	Tỉnh	Sông	Lượng mưa tuần trước (mm)	Lượng mưa lũy tích từ tháng I/2021 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng mưa từ 29/11 - 05/12 (mm)
						TBNN	2020	2019	
1	Nam Định	Nam Định	Đào	21,0	2239	+35	+36	+83	0,0
2	Phủ Lý	Hà Nam	Đáy	0,6	2108	+15	+19	+18	0,0

Bảng 24: NGUỒN NƯỚC TẠI CỐNG, TRẠM BƠM

TT	Tên công trình	Mực nước thiết kế (m)			MNTĐ trung bình tuần trước (m)	Mực nước dự báo tuần tới (m)			Đánh giá
		Min	Max	Thiết kế		Trung bình	Max	Min	
1	TB. Như Trác	-0,2	2,5	1,1	1,0	0,9	1,9	0,2	Giảm
2	TB. Hữu Bị	-0,3	2,2	0,8	1,0	0,8	1,9	0,0	Giảm
3	TB. Cốc Thành	-0,3	1,8	0,8	1,0	0,8	1,8	-0,1	Giảm
4	TB. Cổ Đam	-0,3	1,8	0,8	0,7	0,8	1,5	0,3	Tăng
5	TB. Nhâm Tràng	-0,2	2,5	0,9	0,7	0,8	1,5	0,3	Tăng
6	TB. Vĩnh Trị	-0,3	1,8	0,8	0,7	0,7	1,6	0,0	Tăng

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		29/11	30/11	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12	
Cống Như Trác		4,919	4,919	4,919	4,919	4,919	4,919	4,919	≥ 4
Cống Hữu Bị		5,320	5,354	5,388	5,423	5,457	5,490	5,521	≥ 4
Cống Cốc Thành		5,223	5,218	5,216	5,215	5,214	5,214	5,214	≥ 4
Cống sông Chanh		4,403	4,385	4,373	4,363	4,356	4,351	4,347	≥ 4
Cống Nhâm Tràng		5,142	5,142	5,142	5,142	5,142	5,142	5,142	≥ 4
Cống Kinh Thanh		5,045	5,045	5,045	5,047	5,050	5,054	5,059	≥ 4
Cống Cổ Đam		5,011	5,006	5,002	4,999	4,997	4,995	4,995	≥ 4
Cống Vĩnh Trị		4,937	4,931	4,926	4,921	4,915	4,910	4,905	≥ 4
Đầu kênh T3		5,087	5,073	5,064	5,058	5,055	5,054	5,055	≥ 4
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		4,867	4,862	4,856	4,850	4,845	4,838	4,832	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt		4,925	4,921	4,917	4,912	4,907	4,903	4,898	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)		4,941	4,941	4,941	4,941	4,941	4,941	4,941	≥ 4
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		5,650	5,650	5,650	5,650	5,650	5,650	5,650	≥ 4
Đập La Chợ		5,181	5,220	5,261	5,299	5,336	5,369	5,401	≥ 4
Đập Biên Hòa		5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)		5,895	5,915	5,925	5,934	5,944	5,955	5,967	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		5,166	5,192	5,217	5,241	5,264	5,287	5,308	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		5,034	5,034	5,037	5,041	5,046	5,051	5,056	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		5,051	5,026	5,001	4,981	4,966	4,955	4,949	≥ 4
Đầu kênh T6		5,191	5,182	5,178	5,175	5,174	5,173	5,173	≥ 4

NO_3^-									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Thực đo**	**Tuần dự báo**							
		29/11	**30/11**	**01/12**	**02/12**	**03/12**	**04/12**	**05/12**	
Cống Như Trác		6,748	6,748	6,748	6,748	6,748	6,748	6,748	**≤ 10**
Cống Hữu Bị		3,464	3,395	3,328	3,264	3,203	3,146	3,091	**≤ 10**
Cống Cốc Thành		2,635	2,644	2,653	2,662	2,669	2,676	2,681	**≤ 10**
Cống sông Chanh		5,275	5,323	5,358	5,384	5,404	5,420	5,434	**≤ 10**
Cống Nhâm Tràng		13,763	13,763	13,763	13,763	13,763	13,763	13,763	**≤ 10**
Cống Kinh Thanh		8,142	8,331	8,491	8,625	8,735	8,822	8,888	**≤ 10**
Cống Cổ Đam		8,917	8,968	9,024	9,080	9,134	9,183	9,225	**≤ 10**
Cống Vĩnh Trị		2,996	3,049	3,105	3,162	3,220	3,277	3,333	**≤ 10**
Đầu kênh T3		2,797	2,849	2,897	2,940	2,979	3,013	3,044	**≤ 10**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		3,805	3,900	3,981	4,051	4,113	4,170	4,222	**≤ 10**
Cầu đường 10 với sông Sắt		3,302	3,367	3,426	3,479	3,528	3,573	3,614	**≤ 10**
Đập An Bài (sông Châu Giang)		1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	**≤ 10**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	**≤ 10**
Đập La Chợ		2,788	2,802	2,811	2,817	2,821	2,823	2,824	**≤ 10**
Đập Biên Hòa		6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	**≤ 10**
Đập Vùa (CG12)		2,322	2,303	2,285	2,268	2,249	2,230	2,210	**≤ 10**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		2,662	2,677	2,689	2,701	2,712	2,722	2,732	**≤ 10**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		9,586	9,548	9,513	9,479	9,445	9,411	9,378	**≤ 10**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		2,872	2,979	3,077	3,162	3,235	3,298	3,352	**≤ 10**
Đầu kênh T6		2,674	2,695	2,714	2,731	2,747	2,761	2,773	**≤ 10**

BOD$_5$									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Thực đo**	**Tuần dự báo**							
		29/11	**30/11**	**01/12**	**02/12**	**03/12**	**04/12**	**05/12**	
Cống Như Trác		20,139	20,139	20,139	20,139	20,139	20,139	20,139	**≤ 15**
Cống Hữu Bị		13,414	13,224	13,035	12,855	12,683	12,523	12,372	**≤ 15**
Cống Cốc Thành		15,364	15,389	15,411	15,432	15,450	15,467	15,482	**≤ 15**
Cống sông Chanh		21,726	21,837	21,916	21,975	22,022	22,059	22,089	**≤ 15**
Cống Nhâm Tràng		17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	**≤ 15**
Cống Kinh Thanh		13,954	14,124	14,276	14,408	14,521	14,618	14,698	**≤ 15**
Cống Cổ Đam		14,969	15,095	15,221	15,344	15,461	15,572	15,677	**≤ 15**
Cống Vĩnh Trị		11,146	11,259	11,372	11,487	11,601	11,715	11,829	**≤ 15**
Đầu kênh T3		15,635	15,765	15,883	15,991	16,089	16,178	16,260	**≤ 15**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		12,485	12,650	12,806	12,956	13,101	13,242	13,380	**≤ 15**
Cầu đường 10 với sông Sắt		11,469	11,588	11,704	11,817	11,928	12,037	12,145	**≤ 15**
Đập An Bài (sông Châu Giang)		8,971	8,971	8,971	8,971	8,971	8,971	8,971	**≤ 15**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	**≤ 15**
Đập La Chợ		12,584	12,572	12,552	12,530	12,508	12,487	12,466	**≤ 15**
Đập Biên Hòa		15,700	15,700	15,700	15,700	15,700	15,700	15,700	**≤ 15**
Đập Vùa (CG12)		9,810	9,778	9,754	9,727	9,695	9,660	9,620	**≤ 15**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		12,392	12,426	12,456	12,483	12,510	12,536	12,561	**≤ 15**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		15,403	15,448	15,490	15,529	15,565	15,600	15,634	**≤ 15**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		15,782	16,018	16,239	16,433	16,601	16,746	16,870	**≤ 15**
Đầu kênh T6		15,438	15,490	15,537	15,580	15,619	15,654	15,687	**≤ 15**

NH_4^+									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Thực đo**	**Tuần dự báo**							
		29/11	**30/11**	**01/12**	**02/12**	**03/12**	**04/12**	**05/12**	
Cống Như Trác		0,903	0,903	0,903	0,903	0,903	0,903	0,903	**≤ 0,9**
Cống Hữu Bị		0,582	0,578	0,574	0,570	0,566	0,563	0,560	**≤ 0,9**
Cống Cốc Thành		0,363	0,367	0,371	0,373	0,375	0,377	0,379	**≤ 0,9**
Cống sông Chanh		0,499	0,502	0,504	0,506	0,508	0,510	0,512	**≤ 0,9**
Cống Nhâm Tràng		0,792	0,792	0,792	0,792	0,792	0,792	0,792	**≤ 0,9**
Cống Kinh Thanh		0,641	0,655	0,667	0,679	0,690	0,700	0,710	**≤ 0,9**
Cống Cổ Đam		0,727	0,740	0,753	0,766	0,778	0,790	0,802	**≤ 0,9**
Cống Vĩnh Trị		0,537	0,548	0,559	0,569	0,580	0,591	0,602	**≤ 0,9**
Đầu kênh T3		0,562	0,582	0,597	0,610	0,621	0,631	0,640	**≤ 0,9**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		0,645	0,661	0,676	0,690	0,705	0,719	0,733	**≤ 0,9**
Cầu đường 10 với sông Sắt		0,561	0,572	0,583	0,594	0,604	0,615	0,626	**≤ 0,9**
Đập An Bài (sông Châu Giang)		0,331	0,331	0,331	0,331	0,331	0,331	0,331	**≤ 0,9**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		0,740	0,740	0,740	0,740	0,740	0,740	0,740	**≤ 0,9**
Đập La Chợ		0,632	0,636	0,639	0,642	0,646	0,649	0,652	**≤ 0,9**
Đập Biên Hòa		2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	**≤ 0,9**
Đập Vùa (CG12)		0,436	0,437	0,439	0,441	0,442	0,444	0,445	**≤ 0,9**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		0,594	0,601	0,607	0,613	0,618	0,624	0,630	**≤ 0,9**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		0,755	0,764	0,772	0,781	0,789	0,796	0,804	**≤ 0,9**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		0,597	0,617	0,635	0,651	0,665	0,677	0,688	**≤ 0,9**
Đầu kênh T6		0,412	0,421	0,427	0,433	0,437	0,441	0,445	**≤ 0,9**

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Kết quả dự báo NO_3^- trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ vị trí Cống Nhâm Tràng.

Các vị trí có hàm lượng BOD_5 trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT như Cống Như Trác, Cốc Thành, Sông Chanh, Nhâm Tràng, Cổ Đam, Đầu kênh T3, TB Triệu Xá, Đập Biên Hòa, Cầu Yên Trung, Đầu Kênh C19, Đầu Kênh T6.

Kết quả dự báo NH_4^+ trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ vị trí Cống Như Trác.

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Số liệu dự báo cũng cho thấy các điểm vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trong 7 ngày dự báo tương tự so với tuần 21 trừ hàm lượng NH_4^+ tuần 26 có ít điểm vượt giới hạn hơn tuần 25.

2. Đề xuất

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các cống để đưa nước vào hệ thống.

3. Dự báo chung

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như BOD_5, NH_4^+, NO_3^- sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước sẽ có xu hướng giảm./.

Nơi nhận: **VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.